

# ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN NGỮ VĂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

• TS. NGUYỄN THÚY HỒNG

*Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục*

## 1. Tinh thần cơ bản của đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) môn Ngữ Văn ở trường phổ thông

Tư tưởng và mục đích của hoạt động đổi mới PPDH môn Ngữ Văn cũng như các môn học khác trong nhà trường phổ thông hiện nay là tích cực hoá hoạt động học tập của học sinh (HS) (với ý nghĩa người học tự giác, chủ động trong lĩnh hội và vận dụng kiến thức, kĩ năng). HS được coi là đối tượng vốn có sẵn những tiềm năng mà giáo viên (GV) có nhiệm vụ đánh thức và tạo điều kiện để những tiềm năng đó được phát triển tối đa, đặc biệt là tiềm năng sáng tạo. Cơ sở của tư tưởng trên xuất phát từ quan niệm dạy học hiện đại, đáng chú ý là quan niệm dạy học lấy HS làm trung tâm. Dạy học lấy HS làm trung tâm thực ra là một quan điểm giáo dục và dạy học, bản thân nó không phải là một phương pháp dạy học. Theo đánh giá của một số nhà sư phạm ở nước ta thì quan niệm dạy học lấy HS làm trung tâm là một sản phẩm trí tuệ của nhiều nhà sư phạm trên thế giới, điển hình là J. Dewey và B.F Skinner. Quan niệm này coi học là tự điều hoà hành vi để dẫn tới hành vi mong muốn, còn dạy là tạo thuận lợi cho học. Hệ quả của quan niệm trên dẫn tới đặc điểm của phương pháp học tích cực là:

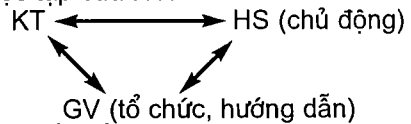
- Học bằng hành động, học qua làm (nhấn mạnh tới hoạt động tư duy, biểu đạt, thực hành của người học; Nghe – sẽ quên, Nhìn – sẽ nhớ, Làm – sẽ học được)-Học bằng kinh nghiệm (nhấn mạnh tới việc tạo cơ hội để tích lũy và vận dụng kinh nghiệm của cá nhân người học)

- Học bằng đa giác quan (nhấn mạnh tới khả năng dẫn nhập thông tin của các giác quan dựa trên khả năng tiếp nhận và lưu giữ thông tin:Thị giác 75%, thính giác 12%, xúc giác 6%, khứu giác 4%, vị giác 3%)

- Học bằng thử - sai (nhấn mạnh tới hiệu quả của việc trả lời của người học theo phương châm người học luôn tự cải biến chính mình)

Vận dụng tư tưởng tích cực hoá hoạt động học tập của HS vào thực tiễn giảng dạy môn Ngữ Văn ở trường phổ thông, các nhà nghiên cứu PPDH trong thời gian qua đều gặp nhau ở

quan niệm chung là: GV cũng không thể là người "rót" hay "cung cấp" kiến thức (KT) tới HS, HS cũng không thể giữ vai trò thụ động nghe, ghi, chấp nhận và làm theo mẫu... trong quá trình học tập. Tích cực hoá hoạt động học tập của HS không phải là đề cao những sở thích, hứng thú của cá nhân HS hoặc để HS tích cực hoạt động theo những hứng thú tự phát, chuyển giờ học trong nhà trường thành giờ HS được chủ động một cách tự do, tùy hứng... mà là đề cao tính tích cực, chủ động học tập của HS dưới sự hướng dẫn của GV, nhằm đạt được những mục tiêu học tập. Theo định hướng đổi mới PPDH, vai trò độc tôn của GV trong giờ học Ngữ Văn được giảm thiểu; mối quan hệ một chiều giữa KT→GV →HS được thay đổi theo hướng GV là người theo dõi, tổ chức, hướng dẫn và tác động tới quá trình học tập của HS:



Có thể hiểu: Giờ học Ngữ Văn theo định hướng đổi mới PPDH không chỉ chú trọng tới hoạt động dạy của GV mà còn chú trọng tới hoạt động học của HS, tạo điều kiện cho tất cả các đối tượng HS đều được suy nghĩ, tìm tòi, khám phá... để có thể hiểu, cảm, vận dụng tốt các kiến thức, kĩ năng văn học, ngôn ngữ học... dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV, nhằm đạt được những mục tiêu cụ thể của giờ học.

Để đảm bảo tính khoa học và nghệ thuật cho giờ học Ngữ Văn, sự vận dụng các PPDH phải thực sự linh hoạt và sáng tạo. Đổi mới PPDH không có nghĩa là người GV phải từ bỏ những PPDH truyền thống, hay độc tôn hoặc cải tiến một PPDH nào đó, hoặc áp dụng triệt để máy móc một vài PPDH (cho là mới lạ) học được từ các nước khác vào thực tiễn nhà trường Việt Nam... Cũng không thể hiểu một cách chung chung về đổi mới PPDH là thầy giảng một nửa còn một nửa để HS làm lấy. Vấn đề không phải chỉ là bản thân các PPDH mà còn là ở cách vận dụng các PPDH đó một cách phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ, nhằm phát huy được tính tích cực, chủ



động, sáng tạo trong hoạt động học tập của tất cả các đối tượng HS giỏi, khá, trung bình, yếu. Sự vận dụng các PPDH phải đi từ cái HS đã có tới cái HS cần có, từ thực tiễn cuộc sống của HS tới kiến thức trong sách vở. Chính vì thế, về nguyên tắc, tất cả các PPDH đều có thể được vận dụng trong giờ học Ngữ Văn nhằm đạt được những mục tiêu học tập môn học; phù hợp với quy luật hoạt động của chủ thể HS. Nói như vậy đã bao hàm con đường, phương tiện nhằm đạt đến mục đích - con đường HS tự thân vận động - mọi phương pháp đều phục vụ cho con đường này, phương pháp không chỉ là cách tác động từ bên ngoài mà còn là cách kích thích, cách cụ thể hoá những hoạt động từ chính nội lực để phát huy những tiềm năng của bản thân HS.

Như vậy, so với cách dạy học truyền thống, sự vận dụng PPDH trong giờ học Ngữ Văn đã có sự thay đổi cơ bản về chất: từ việc thông báo, tái hiện sang tổ chức, hướng dẫn cho HS chủ động tiếp nhận, cảm thụ, tìm tòi, đánh giá, vận dụng kiến thức và kĩ năng văn học, ngôn ngữ, Việt ngữ học; từ giờ dạy với tính chất tĩnh (truyền đạt một nội dung nhất định theo một quy trình nhất định với những quy định ngặt nghèo về thời gian) sang giờ học có tính chất động (phần nào HS nắm vững thì lướt qua, phần nào chưa vững thì khắc sâu, linh hoạt về thời gian, về hình thức tổ chức dạy học...). Cũng chính vì thế, trong một giờ dạy môn Ngữ Văn theo định hướng đổi mới PPDH không có sự hạ thấp vai trò của người thầy mà ngược lại, người GV là người tổ chức, hướng dẫn, thiết kế và điều hành giờ học. Theo mục đích chú trọng tạo lập cho HS những năng lực ngữ văn và năng lực giao tiếp linh hoạt, sáng tạo. GV chú ý hạn chế tối đa lối giảng dạy thuyết giảng một chiều. Cần phải chuyển quá trình thuyết giảng của GV thành những cuộc trao đổi, đàm thoại dài ngắn khác nhau giữa GV với HS, giữa HS với HS để giúp HS tự tìm hiểu và đánh giá được mức độ tìm hiểu bài học của mình như thế nào.

Gắn chặt với thực tiễn của nhà trường Việt Nam hiện nay, cách tiến hành đổi mới PPDH trong mỗi giờ học Ngữ Văn có hiệu quả là:

+ Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các PPDH nhằm phát huy tính tích cực học tập của các đối tượng HS đồng thời với việc chú trọng đến rèn luyện kĩ năng, tăng cường thực hành và gắn nội dung bài học với thực tiễn cuộc sống. Có thể hiểu là GV tạo điều kiện tối ưu nhất để HS được suy nghĩ, tìm tòi nhiều hơn, thực hành nghe, nói, đọc, viết nhiều hơn trên vốn kiến thức, kĩ năng văn học, tiếng Việt, làm văn mà các em đã có; kết hợp rèn luyện tư duy, kĩ năng văn học, giải mã và tạo lập văn bản trong giờ tiếng Việt và tư

duy, kĩ năng ngôn ngữ, giải mã và tạo lập văn bản trong giờ văn....

+ Nắm vững nội dung của từng bài học và năng lực học tập các nội dung văn, tiếng Việt, làm văn của HS để từ đó xây dựng được một hệ thống câu hỏi, bài tập nhằm tổ chức, hướng dẫn các đối tượng HS trong lớp tích cực, chủ động học tập, chú trọng bồi dưỡng, phát triển năng lực và bản sắc cá nhân của mỗi HS trong tư duy và giao tiếp tiếng Việt.

+ Hướng dẫn, rèn luyện phương pháp tư học và tính tích cực học tập của HS. Cụ thể là: giúp HS sử dụng SGK, sách bài tập và các tư liệu tham khảo một cách có ý thức và hiệu quả; uốn nắn, hướng dẫn cách tự đọc, tự học phù hợp với năng lực cụ thể của từng HS; chú trọng đến việc rèn luyện phương pháp tư duy, khả năng tự học, tự nghiên cứu; bồi dưỡng hứng thú học tập, nhu cầu hành động và thái độ tự tin trong học tập và giao tiếp bằng ngôn ngữ cho HS.

+ Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức tổ chức học tập kết hợp giữa học tập cá thể với học tập hợp tác; giữa hình thức học cá nhân với hình thức dạy học theo nhóm, theo lớp, dạy học tự chọn... nhằm tạo điều kiện và không khí học tập thích hợp để HS có thể tranh luận với nhau, với GV và tự đánh giá kết quả học tập của mình, của bạn. Tuy nhiên, sự vận dụng các hình thức dạy học không nên gò ép mà phải linh hoạt tùy theo điều kiện thực tiễn của giờ học sao cho thể hiện được mối quan hệ tích cực giữa GV và HS, giữa HS với HS.

+ Tăng cường kiểm tra đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau, coi kiểm tra đánh giá như là một biện pháp kích thích hứng thú học tập, giúp HS tìm ra nguyên nhân và cách khắc phục những sai sót, hạn chế (nếu có) trong quá trình tìm hiểu, lĩnh hội và vận dụng kiến thức, kĩ năng bộ môn.

+ Tăng cường sử dụng các thiết bị, đồ dùng và phương tiện dạy học theo phương châm phục vụ thiết thực nhất, hiệu quả nhất cho mỗi giờ học với tư cách là phương tiện nhận thức chứ không đơn thuần chỉ là sự minh họa. Hướng tới việc sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại nhằm tăng cường tác động tích cực của kênh hình, kênh tiếng tới các kĩ năng nghe, đọc, nói, viết và quan sát của HS nhằm thay đổi căn bản tình hình "dạy chay" phổ biến hiện nay.

+ Không gò bó giờ học trong một quy trình cứng nhắc với những bước đi bất buộc, GV có quyền chủ động sáng tạo thiết kế giờ học căn cứ vào mục tiêu cụ thể của bài học thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập của học sinh. Điều cơ bản là mỗi giờ học phải thực sự kích thích được hứng thú và sự tích cực học tập của



HS, có sự “cộng hưởng” giữa HS với HS, giữa GV và HS trong chiếm lĩnh, cảm thụ và vận dụng kiến thức. Giờ học có thể “quá” một chút thời gian, GV có thể “cháy” giáo án (tất nhiên là “vạn bất đắc dĩ”) nhưng vẫn phải bảo đảm được những mục tiêu cần đạt của giờ học, khoa học về nội dung, linh hoạt, nghệ thuật về biện pháp sư phạm và đọng lại được những ấn tượng sâu sắc ở HS.

+ Có ý thức cải tạo môi trường dạy học: chỗ ngồi, ánh sáng, bàn ghế, nhiệt độ, âm thanh, thiết bị, hỗ trợ về phương tiện và thiết bị dạy học nhằm nâng cao hiệu quả học tập môn học

## 2. Những căn cứ để đổi mới PPDH môn Ngữ Văn ở trường phổ thông

### 2.1. Những điểm mới của chương trình, SGK môn Ngữ Văn

Chương trình và SGK Ngữ Văn đang có những thay đổi lớn nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của môn học có tính công cụ trong tương quan với các môn học khác và thay đổi cách dạy, cách học của chính môn học. Cụ thể là:

- Sự thay đổi từ chương trình thiên về cung cấp nội dung kiến thức văn, tiếng Việt, làm văn sang chương trình phát triển năng lực ngữ văn của HS (thí dụ các năng lực: nghe, nói, đọc, viết, đọc hiểu và cảm thụ văn chương, giao tiếp...). Chương trình Ngữ Văn nhằm tới các mục tiêu sau:

+ Hình thành và phát triển ở HS những kiến thức phổ thông, cơ bản, hiện đại, có tính hệ thống về ngôn ngữ (trọng tâm là tiếng Việt) văn học và văn hoá Việt Nam, nước ngoài.

+ Hình thành và phát triển ở HS các năng lực sử dụng tiếng Việt; tiếp nhận văn học, cảm thụ thẩm mỹ, tư duy; phương pháp học tập (đặc biệt là tự học), năng lực ứng dụng những điều đã học vào cuộc sống.

+ Bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, đời sống tâm hồn HS.

- Sự thay đổi tên gọi Ngữ Văn thay vì cách gọi tên theo 3 phân môn độc lập Văn học, tiếng Việt, Làm văn nhằm thể hiện cụ thể những đổi mới của môn học theo tư tưởng tích hợp:

+ Chú trọng tích hợp các kiến thức, kĩ năng Văn + Tiếng Việt + Làm văn trong từng bài học (tích hợp 3 phân môn trong 1 SGK). Ở THCS, dựa trên 6 kiểu văn bản: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, hành chính-công vụ, phân môn Văn học sẽ lựa chọn các văn bản để dạy sao cho các văn bản này phù hợp nhất với việc dạy các kiến thức kĩ năng Tiếng Việt hay Làm văn. Mỗi bài học sẽ được bắt đầu bằng việc tìm hiểu văn bản, sau đó căn cứ trên văn bản này để học các kiến thức. Kĩ năng tiếng Việt, làm văn có liên quan. Ở THPT, chú trọng tới việc dạy

đọc văn (giải mã văn bản) và làm văn (tạo lập văn bản). Trong dạy đọc văn, chú trọng tới việc đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại. Lưu ý đến việc vận dụng các kiến thức văn, lí luận, tiếng Việt, làm văn ... để đọc văn và làm văn.

+ Chú trọng tích hợp các kiến thức, kĩ năng Ngữ Văn + kiến thức, kĩ năng liên môn

+ Chú trọng tích hợp kiến thức và kĩ năng (chú trọng rèn luyện cả 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết & kĩ năng sống; đồng thời thông qua những kĩ năng này hình thành năng lực phân tích, cảm thụ, bình giá văn học một cách chân thực, chủ động cũng như tăng tính ích dụng của việc dạy học bộ môn.

- Những đổi mới của môn học theo tư tưởng tích cực:

+ HS có được những tri thức, quy ước sử dụng tiếng Việt; các kiểu văn bản thường dùng trong giao tiếp và sáng tác văn học; những tri thức sơ yếu về thi pháp, lịch sử văn học, một số tác gia văn học lớn, một số khái niệm và thao tác phân tích tác phẩm văn học, những hiểu biết về văn hoá, xã hội qua việc học một số văn bản văn học ưu tú của Việt Nam và thế giới, không ngừng nâng cao hoà nhập vào xã hội, biết sử dụng tiếng Việt như một công cụ để giao tiếp, học tập, tổ chức điều phối các hoạt động trong cuộc sống... thông qua con đường tự tìm hiểu, khám phá dưới sự hướng dẫn của GV.

+ Tích cực hoạt động học tập Ngữ Văn của HS là không xem nhẹ năng lực tiếp nhận bằng thính giác và năng lực biểu đạt tư tưởng, tình cảm bằng lời nói của HS bên cạnh các năng lực nghe và viết, nhằm tạo lập cho các em một năng lực giao tiếp tốt, một khả năng sử dụng ngôn ngữ linh hoạt. Cũng chính vì đề cao năng lực này mà trong chương trình và SGK Ngữ Văn ngoài văn bản văn học còn có thêm loại văn bản hội thoại, văn bản nhật dụng, văn bản hành chính công vụ và những tri thức liên quan đến các loại văn bản này. Nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt và thông qua 4 kĩ năng này để tạo lập kĩ năng cảm thụ bình giá văn học vừa là mục đích, vừa là tiêu chí để đánh giá kết quả của việc dạy và học tập môn Ngữ Văn trong trường phổ thông.

### 2.2. Căn cứ vào những đặc điểm tâm sinh lí của HS THCS, THPT khi tiếp nhận văn học

Theo sự phát triển của lứa tuổi, HS THCS, THPT đã có những lợi thế hơn hẳn như:

+ Nhanh nhạy hơn trong cảm thụ và tiếp nhận văn học.

+ Khả năng liên tưởng và tưởng tượng, phân tích và tổng hợp, tìm tòi và phát hiện... linh hoạt và logic hơn.

+ Khả năng ghi nhớ tái hiện hình tượng văn học vững bền hơn.

+ Khả năng diễn đạt bằng ngôn ngữ lưu loát, nhanh nhạy hơn.

+ Dễ hứng thú tích cực nhưng cũng dễ chán nản, phân tán trong hoạt động đọc, tìm tòi, khám phá tác phẩm.

+ Có hứng thú cá nhân và biết định hướng khi đọc, học các văn bản nhưng cũng vì thế mà với một số tác phẩm HS chỉ tự đọc, học khi có sự thúc ép của GV.

+ Có khả năng đọc lập tích cực trong đọc, học bộ môn nhưng năng lực và hứng thú cá nhân chưa thật vững bền.

Tuy nhiên, các phẩm chất trên chỉ có thể trở nên vững bền, ổn định khi có sự hỗ trợ kích thích của GV mới. Do vậy trong giờ học văn, tiếng Việt hay Làm văn, sự hướng dẫn, hỗ trợ của GV với quá trình vận dụng kiến thức, kĩ năng vào tìm hiểu bài, giải quyết các bài tập của HS là vô cùng cần thiết.

### **2.3. Căn cứ vào đặc trưng và sự vận dụng các PPDH của từng phân môn Văn học, Tiếng Việt, Tập làm văn**

Mỗi bài học trong chương trình Ngữ Văn, thường được bắt đầu bằng giờ đọc hiểu văn bản văn học (hoặc các kiểu văn bản khác), tiếp theo sẽ giúp HS tìm hiểu những vấn đề về tiếng Việt và làm văn, trong đó ngữ liệu để dạy tiếng và làm văn chủ yếu được lấy từ văn bản văn học (những kiến thức, kĩ năng từ ngữ, ngữ pháp, làm văn tương ứng với những yếu tố ngôn ngữ và cách sử dụng chúng trong văn bản). Chính vì thế mỗi giờ dạy: đọc hiểu văn bản, tiếng Việt và làm văn vẫn có tính chất của một công việc đọc lập trong tiến trình thực hiện một bài dạy và GV vẫn phải chú ý đến những đặc trưng và những PPDH riêng phù hợp với bản chất của từng phân môn.

Yếu cầu mới dạy học 3 phân môn trong từng bài học như một thể thống nhất, trong đó mỗi giờ văn, tiếng Việt, làm văn vừa giữ bản sắc riêng vừa hoà nhập với nhau để cùng hình thành cho HS những kĩ năng, năng lực tổng hợp là một yêu cầu vừa quen vừa lạ. Quen là vì bản chất của việc học tập bộ môn Văn - tiếng Việt trong nhà trường vẫn có sự phối hợp dạy ngữ qua dạy văn và dạy văn qua dạy ngữ. Lạ là vì GV trong thời gian qua đã quá quen với lối giảng dạy tách rời từng phân môn theo từng giờ với từng sách giáo khoa riêng biệt. Giờ đây một bài học Ngữ Văn lại bao gồm cả 3 mạch kiến thức kĩ năng Văn, tiếng Việt, Làm văn và nhấn mạnh đến những điểm đồng quy về kiến thức kĩ năng giữa 3 phân môn để thực hiện quan điểm tích hợp trong tổ chức nội dung dạy học và xác định PPDH cho bài học. Yếu tố đồng quy này chính là ngôn ngữ trong văn bản của mỗi bài học. Ngôn ngữ cần được hiểu theo nghĩa rộng, không chỉ bao gồm ngữ

âm, từ vựng, cú pháp mà còn là kiểu văn bản, các quy tắc ngôn ngữ, các quy tắc tổ chức không gian, thời gian của văn bản... để phản ánh điều mà văn bản muốn thể hiện. Trong 3 nội dung của một bài học Ngữ Văn, giờ học làm văn có vị trí đặc biệt: một mặt nó là giờ học thể hiện kết quả học tập từ hai giờ trước (tìm hiểu văn bản và rèn luyện kiến thức kĩ năng tiếng Việt), mặt khác nó là giờ học có tính chất thực hành tổng hợp để HS thực hành vận dụng những kiến thức kĩ năng đọc, nghe, nói, viết tiếng Việt theo những yêu cầu của sự hội nhập xã hội đặt ra. Tất nhiên cũng không loại trừ trường hợp trong bài học nào đó, có những mạch kiến thức kĩ năng của phân môn này không thể tìm thấy sự đồng quy với những phân môn khác. Lúc đó GV phải tổ chức dạy chúng như những yếu tố độc lập theo cách thức riêng. Việc tích hợp 3 phân môn trong mỗi bài học cũng dẫn đến một thực tế là ở nhiều giờ học phải chấp nhận bỏ qua một số kiến thức kĩ năng HS đã biết để dạy những kiến thức kĩ năng khác hoặc cho HS công nhận (mà không cần giải thích cặn kẽ) những kiến thức kĩ năng nào đó sẽ được dạy ở các giờ học sau hoặc ở các lớp sau.

Như vậy việc đổi mới PPDH trong môn học Ngữ Văn đang đặt ra những yêu cầu mới để giúp HS học tập hiệu quả nhất chương trình và SGK mới. Trong dạy học Ngữ Văn, ngoài vận dụng linh hoạt các PPDH có tính chất chung cho tất cả các phân môn, các bộ môn mà ta có thể kể tên như phương pháp thông báo - thu nhận; phương pháp thực hành luyện tập; phương pháp hợp tác; phương pháp kiến tạo... còn có những PPDH gắn với đặc trưng của từng phân môn như: phương pháp giao tiếp, phương pháp phân tích ngôn ngữ... Việc vận dụng những PPDH chung hay riêng hoàn toàn phụ thuộc vào sự linh hoạt của từng giáo viên đứng lớp. Căn cứ theo nội dung bài học văn, tiếng Việt, làm văn và năng lực ngữ văn cụ thể của các đối tượng HS, người GV phải biết lựa chọn những PPDH thích hợp nhằm giúp HS giải quyết tốt nhiệm vụ bài học và bộc lộ cách hiểu, cảm của mình một cách tự tin, chủ động.

### **SUMMARY**

*The article deals with the issue of renovating Vietnamese literature-teaching and learning methods in general schools. In the article the authoress analyzes the main spirit of this issue and highlights some specific foundations for this renovation.*